

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110010	ĐẶNG THÁI AN	11A8	
2	110031	ĐẶNG THỊ HOÀNG ANH	11A7	
3	110032	NGUYỄN NGỌC VÂN ANH	11A7	
4	110033	NGÔ NGỌC ANH	11A8	
5	110034	NGUYỄN KHÁNH ANH	11A8	
6	110035	PHẠM NAM ANH	11A8	
7	110036	PHAN NGUYỄN HOÀNG ANH	11A8	
8	110041	LÊ HUỖNH NGỌC ÁNH	11A7	
9	110044	LIỄU PHÚC BẢO	11A7	
10	110045	VÕ CHÂU GIA BẢO	11A7	
11	110046	NGÔ GIA BẢO	11A8	
12	110056	NGUYỄN PHƯƠNG ĐẠT	11A7	
13	110057	LÊ THÀNH ĐẠT	11A8	
14	110059	NGUYỄN HUỖNH NGỌC DIỆP	11A8	
15	110061	HỨA ANH ĐÔ	11A8	
16	110068	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	11A7	
17	110069	TRẦN THỤY ÁNH DƯƠNG	11A7	
18	110076	PHẠM NGUYỄN HOÀNG GIA	11A7	
19	110081	NGUYỄN KHÁNH HÀ	11A7	
20	110082	LÊ TRƯỜNG HẢI	11A7	
21	110092	GIANG NGUYỄN GIA HÂN	11A8	
22	110103	NGUYỄN TÚC HUY HOÀNG	11A8	
23	110114	NGUYỄN LÊ MINH HUY	11A7	
24	110115	TRẦN QUANG HUY	11A8	
25	110128	LÊ HOÀNG KHANG	11A7	
26	110129	TRẦN QUÍ KHANG	11A7	
27	110131	PHAN LÝ NAM KHÁNH	11A7	
28	110132	ĐÀM NGUYỄN QUỐC KHÁNH	11A8	
29	110139	DIỆP ANH KHOA	11A8	
30	110143	NGÔ MAI GIA KHÔI	11A7	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110144	ỨNG DOÃN MINH KHÔI	11A7	
2	110148	NGUYỄN TRUNG KIÊN	11A7	
3	110152	NGUYỄN ANH KỶ	11A8	
4	110153	CHÂU TRÚC LAM	11A8	
5	110165	NGUYỄN TẤN LỘC	11A8	
6	110176	TRƯƠNG NGỌC MAI	11A8	
7	110177	NGÔ KIM MẶN	11A7	
8	110180	LÊ VĂN MINH	11A7	
9	110181	TÔ HOÀNG MINH	11A7	
10	110182	VŨ NHẬT MINH	11A7	
11	110187	NGUYỄN GIANG NAM	11A7	
12	110188	NGUYỄN LÊ HẢI NAM	11A8	
13	110197	LÊ HOÀNG NGÂN	11A7	
14	110198	NGUYỄN VÕ THUẬN NGÂN	11A7	
15	110199	CAO THẢO NGÂN	11A8	
16	110202	NGUYỄN PHÚC NHẢ NGHI	11A7	
17	110218	CAO NGUYỄN BẢO NGỌC	11A8	
18	110219	DU HỒNG NGỌC	11A8	
19	110220	LÂM MINH NGỌC	11A8	
20	110232	ĐỖ THIỆN NHÂN	11A7	
21	110233	NGUYỄN THIỆN NHÂN	11A7	
22	110234	PHAN TRUNG NHÂN	11A7	
23	110246	HUỲNH TRÚC NHƯ	11A8	
24	110249	NGUYỄN TRUNG NHỰT	11A7	
25	110254	NGUYỄN GIA PHÁT	11A7	
26	110255	NGUYỄN PHẠM TẤN PHÁT	11A8	
27	110260	LÝ TẠ DUY PHONG	11A8	
28	110272	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	11A7	
29	110275	TẠ TẤN PHƯỚC	11A7	
30	110292	HUỲNH NHẢ QUYÊN	11A7	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110296	HOÀNG MAI DIỄM QUỲNH	11A7	
2	110297	NGUYỄN DIỄM QUỲNH	11A8	
3	110301	HUỶNH VI SƠN	11A8	
4	110311	LÂM TRẦN PHÚC TẤN	11A7	
5	110316	PHẠM VĂN THANH	11A8	
6	110323	NGUYỄN QUANG THÀNH	11A7	
7	110324	NGUYỄN THIÊN THÀNH	11A7	
8	110336	NGUYỄN VÕ PHÚ THỊNH	11A8	
9	110337	TRẦN ĐỨC THỊNH	11A8	
10	110343	NGUYỄN THỊ NHẬT THƠ	11A8	
11	110352	NGÔ MINH THƯ	11A7	
12	110353	LÊ NGỌC MINH THƯ	11A8	
13	110362	TRẦN BẢO THY	11A7	
14	110363	TRẦN NGUYỄN QUỲNH THY	11A8	
15	110366	TRẦN THỊ CẨM TIÊN	11A8	
16	110371	NGUYỄN MAI TIẾN	11A7	
17	110372	NGUYỄN HỮU TIẾN	11A8	
18	110383	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG TRÂM	11A7	
19	110387	LÊ BẢO TRÂN	11A8	
20	110389	TỔNG LÊ PHƯƠNG TRANG	11A8	
21	110395	TRẦN NGHĨA TRỌNG	11A7	
22	110399	PHẠM NHẬT TRUNG	11A8	
23	110402	NGUYỄN VĂN THIÊN TUẤN	11A8	
24	110405	TRẦN CÁT TƯỜNG	11A7	
25	110419	NGUYỄN BÙI PHÚC VINH	11A8	
26	110420	NGUYỄN NGÔ HOÀNG UY VŨ	11A7	
27	110439	PHAN THANH VY	11A8	
28	110440	TRƯƠNG NGỌC LAM VY	11A8	
29	110446	NGUYỄN TRẦN NHƯ Ý	11A8	